

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BẾN THÀNH
Chương: 622 - Mã QHNSNN: 1068896

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Bến Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2/2022:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2	Lũy kế số thực hiện	ĐV tính: ngàn đồng	
					Ước thực hiện quý 2/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước lũy kế thực hiện năm so với dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4		5	6
A	TỔNG SỐ THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC					
I	Thu từ học phí, thu khác	5.895.800	1.721.887	2.540.947	29,21%	43,10%
	- Thu học phí	460.800	0	0		
	- Thu sự nghiệp	5.435.000	1.721.887	2.540.947	31,68%	46,75%
	Tiền công giặt nệm		37240	54.560		
	Tiền công phục vụ ăn sáng		208.600	288.540		
	Tiền công phục vụ bán trú		457.660	637.310		
	TTB vật dụng bán trú		23600	125.600		
	Tiền tiền hội nhập		948.237	1.366.737		
	Tiền vệ sinh bán trú		46550	68.200		
II	Chi từ học phí, thu khác	5.895.800	1.309.959	1.388.007	22,22%	23,54%
	- Chi học phí	460.800		65.000	0,00%	14,11%
	- Chi từ nguồn thu sự nghiệp	5.435.000	1.309.959	1.323.007	24,10%	24,34%
	Tiền công giặt nệm		30.965	30.965		
	Tiền công phục vụ ăn sáng		122.941	122.941		
	Tiền công phục vụ bán trú		239.164	244.745		
	TTB vật dụng bán trú		48.546	48.546		
	Tiền tiền hội nhập		824.127	824.127		
	Tiền vệ sinh bán trú		44.215	51.682		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.000	0	1.000	0,00%	100%
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.764.371	2.410.888	3.902.977	22,40%	36,26%
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.764.371	2.410.888	3.902.977	22,40%	36,26%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.974.689	1.345.211	2.504.559	22,52%	41,92%
	6001-Lương theo ngạch, bậc		604.541	1.177.685		
	6003-Lương hợp đồng theo chế độ		6.000	24.000		
	6101-Phụ cấp chức vụ		9.834	19.668		
	6112-Phụ cấp ưu đãi nghề		210.665	412.559		
	6113-Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		447	894		
	6115-Phụ cấp thâm niên VK; PC thâm niên nghề		137.661	254.705		
	6301-Bảo hiểm xã hội		141.766	270.514		
	6302-Bảo hiểm y tế		24.303	46.374		
	6303-Kinh phí công đoàn		16.229	30.943		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2	Luỹ kế số thực hiện	Ước thực hiện quý 2/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước luỹ kế thực hiện năm so với dự toán năm (tỷ lệ %)
	6304-Bảo hiểm thất nghiệp		8.101	15.458		
	6501-Tiền điện		49.603	69.713		
	6502-Tiền nước		18.054	25.292		
	6504-Tiền vệ sinh, môi trường		4.118	4.118		
	6551-Văn phòng phẩm		25.898	25.898		
	6599-Vật tư văn phòng khác		6.470	6.470		
	6601-Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax		611	1.166		
	6605-Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng		2.820	5.400		
	6704 - Khoản công tác phí		3.500	3.500		
	6757-Thuê lao động trong nước		58.078	79.239		
	6799-Thuê mướn khác		6.388	12.894		
	6907- sửa chữa		10.125	18.072		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.881.330	531.835	864.576	28,27%	45,96%
	Trong đó: - Hỗ trợ thu hút GDMN NQ01/2021 (6116)	715.880	174.657	347.686		
	- Hỗ trợ thu hút GDMN NQ04/2021 (6103)	584.450	176.655	247.305		
	- Tiền làm thêm giờ (6105)	581.000	180.523	212.585		
	- Tiền Tết TP (6449)			57.000		
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.908.352	533.842	533.842	18,36%	18,36%
	Trong đó: - Kinh phí CCTL thực hiện NQ03	1.177.000	533.842	533.842		
	- 10% Tiết kiệm kinh phí thực hiện CCTL năm 2022	81.000	0	0		
	- Kinh phí CCTL thực hiện NQ03 năm 2021 mang sang	1.731.352	0	0		
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0,00%	0,00%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0,00%	0,00%

Quận 1, ngày 06 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Mai Hằng